

Phương pháp lượng hóa giá trị công việc không được trả công trong gia đình: Lý thuyết và vận dụng

Trần Thị Hồng

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu để cung cấp thông tin về các phương pháp đo lường giá trị kinh tế của công việc gia đình phổ biến, đồng thời, vận dụng một số phương pháp đã được đề cập để nhận diện vai trò của phụ nữ qua công việc gia đình. Dữ liệu sử dụng để tính toán là số liệu khảo sát 299 hộ gia đình tại Thái Nguyên và Nam Định của đề tài “Đánh giá vai trò và địa vị kinh tế của phụ nữ qua công việc gia đình” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện năm 2015-2016 với phương thức thu thập thông tin qua phiếu sử dụng thời gian. Tác giả cho thấy không có một phương pháp nào có thể đưa ra câu trả lời chính xác về giá trị kinh tế của công việc không được trả công trong gia đình bởi bản chất của công việc này là không thể đong đếm được tuyệt đối. Các cách tiếp cận tính toán thường chỉ chú ý đến lượng hóa số lượng công việc và thời gian làm việc mà bỏ qua vấn đề về chất lượng lao động. Tuy nhiên, cho dù còn có những hạn chế nhất định ở mỗi phương pháp, những tính toán ban đầu về giá trị kinh tế của công việc không được trả công cung cấp bằng chứng làm lay chuyển mạnh mẽ quan niệm phổ biến cho rằng việc nhà là loại hình lao động chỉ tạo ra giá trị sử dụng, chứ không tạo ra lời lãi, không sinh lợi hoặc không kiếm ra tiền.

Từ khóa: Phụ nữ; Lao động; Bình đẳng giới; Gia đình; Phân công lao động trong gia đình; Công việc không được trả công.

Đặt vấn đề

Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế, năng lực cho phụ nữ là một trong tám mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đã được Liên hiệp quốc thông qua vào năm 2000. Tuy nhiên, nhiều vấn đề quan trọng đã bị bỏ qua trong quá trình thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ đối với phụ nữ và trẻ em gái, dẫn đến những khoảng trống không nhỏ trong việc đạt được các mục tiêu này. Chăm sóc không được trả lương trong gia đình là một trong những vấn đề tạo nên khoảng trống đó. Đáng quan tâm là điều này xảy ra không chỉ ở các nước đang phát triển mà ngay cả ở những nước phát triển.

Đóng góp của người phụ nữ qua các công việc gia đình mang lại những giá trị không nhỏ cả về tinh thần lẫn vật chất. Vấn đề đặt ra là tầm quan trọng của công việc nuôi dưỡng và tái sản xuất sức lao động cho các thành viên trong gia đình mà người phụ nữ làm thường không được đánh giá đúng mức. Sự tồn tại phân công lao động truyền thống theo giới trong công việc gia đình dẫn tới việc hạ thấp vai trò và địa vị người phụ nữ. Bên cạnh đó, những văn bản pháp luật giao trách nhiệm chăm sóc trẻ em, chăm sóc và phụng dưỡng người cao tuổi cho gia đình vô hình chung đang góp phần tăng gánh nặng công việc không được trả công của người phụ nữ. Với quỹ thời gian trong ngày của nữ giới và nam giới là như nhau, sự tham gia vào thị trường lao động cũng như việc thực hiện những công việc tạo thu nhập của người phụ nữ sẽ bị giới hạn hơn nam giới bởi các công việc không được trả công trong gia đình. Trong khi đó, nam giới có nhiều thời gian hơn để tham gia vào các hoạt động kinh tế xã hội, có cơ hội nâng cao trình độ chuyên môn, cơ hội có thu nhập cao và được thăng tiến xã hội. Việc dành nhiều thời gian cho các công việc không được trả công trong gia đình còn dẫn đến tình trạng nghèo thời gian của phụ nữ và trẻ em gái. Điều này trực tiếp ảnh hưởng đến quyền nghỉ ngơi, giải trí của nhóm đối tượng này.

Trong nhiều năm qua, các nhà kinh tế học nữ quyền đã và đang rất nỗ lực thúc đẩy sự ghi nhận những đóng góp của phụ nữ vào nền kinh tế qua công việc không được trả công. Tuy nhiên, một trong những lý do khiến cho vai trò, địa vị của người phụ nữ trong gia đình chưa được đánh giá đúng mức là thiếu những dữ liệu tính toán về giá trị kinh tế của công việc không được trả công trong gia đình và thiếu những phương pháp để lượng hóa giá trị các công việc không được trả công đó.

Bài viết này sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu để cung cấp thông tin về các phương pháp đo lường giá trị kinh tế của công việc gia đình phổ

biến. Đồng thời, bài viết cũng vận dụng một số phương pháp đã được đề cập để nhận diện vai trò của phụ nữ qua công việc gia đình. Dữ liệu sử dụng để tính toán là số liệu khảo sát 299 hộ gia đình tại Thái Nguyên và Nam Định của đề tài “Đánh giá vai trò và địa vị kinh tế của phụ nữ qua công việc gia đình” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện với phương thức thu thập thông tin qua phiếu sử dụng thời gian – ghi lại các hoạt động trong ngày của từng thành viên gia đình từ 10 - 65 tuổi.

1. Phương pháp lượng hóa giá trị công việc không được trả công trong gia đình

1.1 Một số khái niệm liên quan

Công việc không được trả công

Công việc không được trả công được nhận định là một khía cạnh quan trọng trong đời sống con người. Hoạt động này cung cấp các dịch vụ nội trợ cần thiết cho các hộ gia đình. Cho đến nay, công việc không được trả công được xác định theo nhiều cách khác nhau tùy theo từng quốc gia. Hệ thống Tài khoản Quốc gia của Liên hiệp quốc (United Nations System of National Accounts - UNSNA) năm 1993 đã loại trừ các hoạt động KHÔNG được coi là “hoạt động kinh tế” để thống kê các công việc không được trả công, cụ thể bao gồm: quét dọn, trang trí và bảo quản nơi hộ gia đình cư trú; lau chùi, bảo dưỡng và sửa chữa đồ dùng, thiết bị gia đình hoặc những vật dụng khác, bao gồm cả những phương tiện đi lại được sử dụng cho mục đích gia đình; chuẩn bị các bữa cơm; chăm sóc, dạy dỗ con cái; chăm sóc người đau ốm, suy nhược và người già; đưa đón các thành viên trong hộ gia đình hoặc chuyên chở hàng hóa cho hộ gia đình. Năm 2008, UNSNA đã điều chỉnh lại những hoạt động không được coi là “hoạt động kinh tế” và đưa ra 4 nhóm công việc không được trả công, bao gồm: a) sản xuất hàng hóa nông nghiệp của các hộ kinh doanh gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của chính hộ gia đình mình; b) sản xuất những hàng hóa khác để đáp ứng nhu cầu sử dụng của chính các hộ gia đình: xây dựng nhà cửa, chế biến thực phẩm và may đan quần áo; c) cung cấp dịch vụ nhà ở để đáp ứng nhu cầu sử dụng của chính gia đình mình; d) cung cấp dịch vụ cá nhân và gia đình để đáp ứng nhu cầu sử dụng của chính hộ gia đình đó: chuẩn bị bữa ăn, chăm sóc và dạy dỗ con cái, dọn dẹp nhà cửa, sửa chữa (trích lại từ Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, UN Women, 2014).

Tùy thuộc vào phạm vi nghiên cứu của mình, một số học giả đưa ra định nghĩa công việc không được trả công rộng hơn hoặc hẹp hơn so với

định nghĩa trên của Liên hiệp quốc. Miranda và cộng sự (2011) trong nghiên cứu của mình về công việc không được trả công tại 29 quốc gia đã định nghĩa công việc không được trả công là sự sản xuất ra hàng hóa và dịch vụ của các thành viên hộ gia đình không được bán trên thị trường, bao gồm các công việc phục vụ cho việc tiêu dùng của hộ gia đình như nấu ăn, làm vườn, dọn dẹp nhà cửa và cả một số hoạt động phục vụ cho những người ngoài hộ gia đình như nấu ăn cho khách đến chơi nhà, giúp đỡ hoạt động nấu ăn cho người vô gia cư, cất cốp cho người già, huấn luyện đội bóng ở địa phương. Trong khi đó, ngành thống kê của Canada chia công việc không được trả lương thành ba loại: việc nhà, chăm sóc trẻ em, chăm sóc và hỗ trợ người cao tuổi (trích lại từ <http://www.unpac.ca/economy/unpaidwork.html>). Công việc tình nguyện ở cộng đồng và với các tổ chức từ thiện không được tính đến trong công việc không được trả công.

Điểm chung của các định nghĩa về công việc gia đình không được trả công là hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho hộ gia đình được thực hiện bởi các thành viên trong gia đình. Những công việc này không nhận được tiền lương và không được tính trong tổng sản phẩm quốc nội. Đặc điểm của công việc không được trả công là “hầu hết được thực hiện để chăm sóc các thành viên trong gia đình và/hoặc giữ gìn tổ ấm gia đình”, thường lặp đi lặp lại, diễn ra ở phạm vi nhà ở và thường không được coi trọng (Viện nghiên cứu Phát triển Xã hội, 2007).

Công việc gia đình

Công việc gia đình là công việc không được trả công nhưng thường được xác định với phạm vi hẹp hơn. Ở Việt Nam, công việc gia đình thường được gọi bằng nhiều tên gọi khác nhau như “công việc nội trợ”, “lao động gia đình”, “công việc nhà”. Tùy vào mục đích nghiên cứu mà mỗi nghiên cứu thường xác định công việc gia đình là một số hoặc tất cả các loại hình công việc sau: 1) công việc nội trợ như mua thức ăn, nấu cơm, rửa bát, dọn nhà, giặt giũ; 2) công việc sửa chữa trong gia đình (như sửa chữa điện, nước, bàn, ghế, nhà cửa); 3) công việc mua sắm gồm mua sắm đồ gia dụng nội trợ; đồ điện máy; 4) công việc chăm sóc các thành viên (chăm sóc con nhỏ, người ốm đau, người cao tuổi); 5) công việc giáo dục con cái như dạy bảo con trong tuổi đi học (5-18 tuổi), họp phụ huynh, giúp con học thêm ở nhà, mua sắm trang thiết bị cho con đi học; 6) các hoạt động sinh hoạt cộng đồng (đi dự các cuộc họp thôn), giao dịch với chính quyền địa phương.

Trong bài viết này, chúng tôi nhận diện công việc gia đình theo khái niệm đã được sử dụng trong đề tài “Đánh giá vai trò và địa vị kinh tế của

phụ nữ qua công việc gia đình” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện. Theo đó, công việc gia đình là những công việc không thuộc vào hoạt động tạo thu nhập trực tiếp của gia đình. Nó bao gồm các công việc sau:

1. Hoạt động duy trì đời sống hộ gia đình (chuẩn bị bữa ăn, giặt là quần áo, dọn nhà cửa, rửa bát đĩa, chuẩn bị đồ cúng, thắp hương);
2. Hoạt động trông trẻ/ chăn nuôi cho tiêu dùng của hộ gia đình;
3. Giáo dục trẻ em trong gia đình;
4. Chăm sóc trẻ em, người cao tuổi và các thành viên khác trong gia đình;
5. Chăm sóc cây cảnh, vật nuôi trong gia đình;
6. Bảo trì, sửa chữa các công cụ, đồ dùng của gia đình, nhà cửa;
7. Mua hàng hóa và sử dụng các dịch vụ thương mại, hành chính cho gia đình;
8. Các hoạt động xã hội, cộng đồng.

Nhận diện công việc gia đình theo khái niệm này cho phép có được cái nhìn đầy đủ về các loại hình công việc gia đình, khắc phục thiên hướng chỉ quan tâm đến các công việc chăm sóc, nuôi dưỡng - những công việc nữ giới thường làm nhiều hơn so với nam giới - như trong các nghiên cứu đã có ở Việt Nam.

1.2 Một số phương pháp lượng hóa giá trị công việc không được trả công trong gia đình

Để tính toán giá trị của công việc không được trả công trong gia đình, nhiều học giả quốc tế đã lựa chọn phương pháp phân loại thời gian dành cho các công việc của hộ gia đình thành ba nhóm chính, gồm thời gian cho công việc được trả công, thời gian cho công việc không được trả công và thời gian không làm việc. Việc phân loại các hoạt động/công việc cụ thể vào các nhóm công việc này cũng có nhiều tranh luận. Ví dụ, Ironmonger và những người khác (1995) cho rằng giáo dục nên được xếp vào nhóm hoạt động tái sản xuất bởi hoạt động này nâng cao năng lực con người. Tuy nhiên, hướng tiếp cận khác cho hoạt động giáo dục cần được xếp vào nhóm các hoạt động phi tái sản xuất vì hoạt động này không thông qua người thứ ba (người ta không thể trả tiền thuê người khác học hộ mình) (trích lại từ Budlender và Brathaug, 2002). Các cuộc nghiên cứu về giá trị kinh tế của công việc không được trả công đều sử dụng phương pháp hỏi về quỹ thời gian (time use survey). Thời gian làm các công việc không được trả công này sau đó được chuyển đổi thành giá trị tiền tệ.

Jackson (1996) đã xác định có ít nhất 12 phương pháp quy đổi tiền công cho công việc gia đình (trích lại từ Budlender và Brathaug, 2002) Tổng quan tài liệu cho thấy rằng có bốn phương pháp thường được sử dụng là: (1) Phương pháp tính thu nhập trung bình, (2) Phương pháp tính chi phí cơ hội, (3) Phương pháp tính tổng giá cả thay thế, và (4) Phương pháp tính chuyên biệt giá cả thay thế.

Phương pháp tính thu nhập trung bình và phương pháp tính chi phí cơ hội

Cơ sở của hai phương pháp đầu (1 và 2) xuất phát từ câu hỏi: Một người sẽ kiếm được bao nhiêu tiền nếu họ làm công việc được trả công thay cho công việc gia đình không được trả công? Phương pháp tính thu nhập trung bình trả lời câu hỏi này bằng cách tính thu nhập trung bình theo đầu người trong nền kinh tế. Phương pháp này ấn định mức lương cho người làm công việc không được trả công theo mức lương trung bình theo giờ của lao động trong nền kinh tế và mức lương trung bình này thường được tính riêng cho nam và nữ. Khi sử dụng mức lương được phân tách theo giới tính, giá trị của công việc không được trả công thường có xu hướng giảm xuống do phụ nữ thường đảm nhận các công việc này nhiều hơn so với nam giới và mức lương trung bình của nữ giới thường thấp hơn so với mức lương trung bình của nam giới. Nhược điểm của phương pháp tiếp cận tính thu nhập trung bình là chỉ dựa trên mức lương của người có việc làm, không đại diện cho toàn bộ dân số. Phương pháp này gán giá trị cho cả những người thất nghiệp, những người không hoạt động kinh tế một mức thích đáng như người lao động.

Phương pháp tính chi phí cơ hội được xây dựng dựa trên ý nghĩa kinh tế của khái niệm chi phí cơ hội. Khái niệm này dùng để chỉ những lợi ích bị bỏ qua bởi lựa chọn cái này mà không lựa chọn cái khác. Trong trường hợp tính toán giá trị kinh tế của công việc không được trả công, phương pháp này đề cập đến khoản thu nhập mà một người có thể kiếm được từ công việc được trả công nếu họ làm công việc này thay cho đảm nhận công việc không được trả công. Về mặt lý thuyết, có nhiều vấn đề với cách tiếp cận này. Thứ nhất, phương pháp này áp dụng các mức tiền công khác nhau cho cùng một công việc được thực hiện bởi những người khác nhau do chi phí cơ hội của mỗi người khác nhau. Ví dụ, thời gian nấu ăn của người tốt nghiệp đại học sẽ giá trị hơn thời gian nấu ăn của người không được đi học. Một vấn đề khác nữa là rất khó để tìm kiếm chi phí cơ hội cho những người luôn ở trong tình trạng thất nghiệp. Điểm yếu thứ ba của phương pháp tính chi phí cơ hội là phương pháp này giả định rằng mọi

người luôn có cơ hội làm thêm giờ cho công việc được trả công hoặc các hoạt động khác. Trên thực tế, điều này khó có thể xảy ra đặc biệt với các công việc ở khu vực chính thức. Với những hạn chế này, nhiều nhà nghiên cứu từ chối sử dụng rộng rãi phương pháp tính chí phí cơ hội (Budlender và Brathaug, 2002).

Phương pháp tính tổng giá cả thay thế và phương pháp tính chuyên biệt giá cả thay thế

Cơ sở của hai phương pháp sau (phương pháp tính tổng giá cả thay thế và phương pháp tính chuyên biệt giá cả thay thế) xuất phát từ câu hỏi: Hộ gia đình cần bao nhiêu tiền để chi trả cho người đảm nhiệm công việc không được trả công thay cho các thành viên trong gia đình.

Phương pháp tính tổng giá cả thay thế tính toán giá trị của công việc không được trả công bằng cách gán mức tiền công trung bình của người lao động thực hiện các công việc tương tự như công việc gia đình. Ví dụ, với công việc liên quan đến nhu cầu sinh hoạt của gia đình (nấu ăn, dọn nhà), mức tiền công có thể sử dụng để tính toán là mức tiền công của người giúp việc gia đình. Với công việc chăm sóc trẻ em, có thể sử dụng mức tiền công của giáo viên mầm non. Áp dụng phương pháp tổng quát vào tính giá trị của công việc gia đình có thể làm giảm giá trị kinh tế thực sự của công việc này bởi nó chưa tính đến một số nhiệm vụ quản lý có thể có của thành viên gia đình khi thực hiện công việc duy trì tái sản xuất gia đình.

Phương pháp tính chuyên biệt giá cả thay thế tính toán riêng cho mỗi loại công việc gia đình. Để tính toán được theo phương pháp này, phải xác định được các ngành nghề tương tự với những loại công việc gia đình để có thể dự kiến về mức lương. Ví dụ, công việc lau dọn nhà cửa có thể tương ứng với công việc lau dọn ở văn phòng, công việc chăm sóc trẻ em có thể tương ứng với công việc của người giữ trẻ, công việc nấu ăn tương ứng với nghề nấu bếp. Phương pháp tính toán này đòi hỏi phải có dữ liệu chi tiết và lượng hóa cả về thời gian sử dụng và mức lương. Một người có thể được gán cho nhiều mức lương khi họ làm nhiều loại hình công việc gia đình khác nhau, ví dụ mức lương của người thực hiện các công việc duy trì gia đình, mức lương của người thực hiện công việc chăm sóc và mức lương của người hoạt động cộng đồng (Budlender và Brathaug, 2002). Khó khăn của phương pháp này là trên thực tế, không phải bất cứ một công việc gia đình nào cũng tồn tại một loại hình công việc tương tự trên thị trường để có thể chuyển đổi giá trị thay thế (Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương, 2006).

2. Vận dụng các phương pháp lượng hóa giá trị kinh tế công việc không được trả công trong gia đình

2.1 Tình hình vận dụng của các nghiên cứu đã có

Ở nhiều nước trên thế giới như Mỹ, Canada, Úc, Hàn Quốc, các nhà khoa học đã bắt tay vào việc tính toán, lượng hóa giá trị của những công việc không được trả công do cả phụ nữ và nam giới thực hiện (Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương, 2006). Một nghiên cứu tại 29 quốc gia chỉ ra rằng tính trung bình một người sẽ dành khoảng 3,4 giờ trong ngày cho các công việc không được trả công, chiếm khoảng 14% thời gian trong ngày của họ. Thời gian dành cho công việc không được trả công có sự chênh lệch lớn ở từng quốc gia. Ở Mexico, lượng thời gian cho công việc không được trả công trung bình là 4,2 giờ trong khi lượng thời gian này ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc thấp hơn, khoảng từ 2,4 đến 2,7 giờ/ngày. Điểm chung ở các quốc gia được nghiên cứu là phụ nữ dành nhiều thời gian cho công việc không được trả công hơn so với nam giới. Khoảng cách giới trong công việc này là khoảng 2 giờ 28 phút và có sự khác biệt ở từng quốc gia. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tính toán chi phí cơ hội và chi phí thay thế để ước tính giá trị kinh tế của công việc không được trả công. Kết quả cho thấy, với phương pháp tính toán chi phí thay thế, chi phí cho công việc không được trả công chiếm 19% GDP ở Hàn Quốc và lên đến 53% ở Bồ Đào Nha (Miranda, 2011).

Sử dụng phương pháp điều tra quỹ thời gian và phương pháp tính toán giá trị thay thế, nghiên cứu về những đóng góp kinh tế của người phụ nữ qua công việc không được trả công ở Ấn Độ cũng đã chỉ ra rằng phụ nữ Ấn Độ làm việc rất vất vả và công việc không được trả công trong gia đình có giá trị vượt mức 612,8 tỉ USD, một đóng góp to lớn với xã hội và quốc gia (George và các cộng sự, 2009).

Tại Việt Nam, mặc dù nam giới đã và đang tham gia nhiều hơn vào lao động gia đình song hiện nay phụ nữ và trẻ em gái vẫn đảm nhiệm phần lớn các công việc này. Điều này đã được khẳng định bởi kết quả của nhiều nghiên cứu, bao gồm cả các nghiên cứu trên quy mô quốc gia cũng như các nghiên cứu có quy mô nhỏ hơn. Vấn đề lượng hóa giá trị công việc nội trợ gia đình cũng thu hút sự quan tâm của một số học giả ở Việt Nam. Tác giả Nguyễn Kim Hà (1997) đã sử dụng phương pháp tính tổng giá trị thay thế (theo giá thuê của một người giúp việc gia đình tại thành phố) để lượng giá công việc nội trợ của người phụ nữ nông thôn một xã ở Hà Tây (nay là Hà Nội) và một xã ở Hà Nội trong phạm vi đề tài “Sản xuất, tái sản xuất và phúc lợi gia đình” của Trung tâm Nghiên cứu Khoa học về Gia

đình và Phụ nữ (nay là Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới) trên mẫu nghiên cứu gồm 400 hộ gia đình năm 1995. Tác giả cho rằng, ở thành phố, công việc nội trợ là một hàng hóa có giá trị vật chất cụ thể với mức tiền công cho người giúp việc là 200-300 nghìn/tháng và vì vậy công việc nội trợ của phụ nữ nông thôn có thể tính tương đương theo giá trị của công việc đó. Năm 2006, Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương tiến hành một nghiên cứu lượng hóa giá trị lao động gia đình (bao gồm các công việc như đi chợ, nấu ăn, giặt giũ, lau dọn nhà cửa, chăm sóc trẻ, dạy trẻ học, đưa trẻ đi học, chăm sóc người già, ốm) thông qua phương pháp tính chi phí cơ hội và phương pháp tính tổng giá cả thay thế. Công thức tính giá trị công việc gia đình bằng thời gian làm công việc gia đình nhân với mức tiền công trả cho công việc gia đình được sử dụng. Trong đó, thời gian dành cho công việc gia đình được xác định bằng thời gian làm việc thực tế nhân với hệ số cấp bậc công việc (hệ số này được tính toán dựa trên các yếu tố: kiến thức, kỹ năng, tinh thần trách nhiệm và điều kiện làm việc của từng loại hình công việc gia đình. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy: nếu tính theo phương pháp tính giá cả thay thế (tính bằng chi phí thuê người giúp việc), giá trị kinh tế của công việc gia đình ở bốn loại hình gia đình bao gồm: (1) vợ chồng đều là trí thức; (2) vợ chồng đều làm kinh doanh dịch vụ; (3) vợ chồng làm nghề tiểu thương, tự do; (4) và vợ chồng là công nhân sẽ có số tiền thấp nhất là bảy trăm ngàn đồng và cao nhất chín trăm ngàn đồng/tháng (với số tiền tương ứng là 796.150; 900.000; 880.000; 700.000 đồng). Nếu tính theo phương pháp tính chi phí cơ hội (thu nhập có được nếu dành thời gian làm việc nhà để làm việc có thu nhập) thì giá trị kinh tế của công việc gia đình ở bốn loại hình gia đình nêu trên là cao hơn đáng kể, dao động từ chín trăm ngàn đồng cho đến hơn 1,4 triệu đồng (với số tiền tương ứng là 1.376.774; 1.433.056; 1.120.406; 919.538 đồng). Cũng theo phương pháp này thì ba loại hình gia đình là: (1) kết hợp nông nghiệp, cán bộ; (2) nông nghiệp và nghề khác; (3) đều sản xuất nông nghiệp, giá trị kinh tế của công việc gia đình tương ứng là 743.139, 849.736 và 422.810 đồng/tháng. Nghiên cứu này được đánh giá là có đóng góp quan trọng trong việc định lượng giá trị kinh tế của công việc gia đình.

Một nghiên cứu khác về tính toán đóng góp kinh tế của phụ nữ qua lao động trong gia đình do Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội thực hiện năm 2007 với 299 hộ gia đình tại một phường và một xã của tỉnh Hà Tây cũ (nay là Hà Nội). Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tính chi phí cơ hội (dựa theo thu nhập bình quân tháng của người chồng và người vợ) và phương pháp tính tổng giá cả thị trường thay thế (lượng hóa giá trị kinh tế

của lao động giúp việc gia đình theo giá thuê người giúp việc thực tế và theo giá thuê người giúp việc trên thị trường tại thời điểm nghiên cứu) để tính toán giá trị của lao động trong gia đình (bao gồm các hoạt động cụ thể như nấu nướng, đi chợ, giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa, đưa đón con đi học, chăm sóc/chơi với con, giáo dục con học, chăm sóc người già/người ốm). Theo các cách tính này, đóng góp của phụ nữ ở hai địa bàn nghiên cứu dao động trong khoảng từ 59 ngàn đồng cho đến hơn 4,35 triệu đồng/tháng (bằng khoảng từ 0,1 đến hơn 10 lần thu nhập bình quân đầu người năm 2004 của Hà Tây) tùy theo mức thu nhập của người vợ.

2.2 Vận dụng phương pháp lượng hóa giá trị kinh tế công việc không được trả công trong gia đình qua phân tích số liệu khảo sát

Kết quả nghiên cứu “Đánh giá vai trò và địa vị kinh tế của phụ nữ qua công việc gia đình” cho thấy tổng số thời gian trung bình người vợ và người chồng dành cho các công việc gia đình (theo định nghĩa của đề tài được trình bày ở trên) trong một tuần của người vợ là 1.879 phút và của người chồng là 986 phút, tương đương với 4,4 giờ/ngày và 2,3 giờ/ngày.

Trước hết, vận dụng phương pháp tính chi phí cơ hội để ước lượng giá trị kinh tế của công việc gia đình, tác giả sử dụng mức thu nhập bình quân theo tháng của người vợ và người chồng và số giờ làm việc trung bình/ngày trong mẫu nghiên cứu để tính toán. Để có được mức thu nhập bình quân theo giờ, tác giả lấy mức thu nhập theo tháng/30 ngày làm việc tạo thu nhập/ số giờ làm việc tạo thu nhập một ngày (tính chung 30 ngày làm việc tạo thu nhập/ tháng cho các nhóm nghề nghiệp khác nhau). Tuy nhiên, việc sử dụng mức thu nhập trung bình của người vợ và người chồng để tính toán chỉ cho phép có được mức ước lượng về giá trị kinh tế của công việc gia đình bởi trên thực tế, thu nhập của người vợ và người chồng trong mẫu nghiên cứu có sự dao động rất lớn (từ 0 đồng – 10 triệu

Bảng 1. Lượng hóa giá trị kinh tế công việc gia đình theo phương pháp tính chi phí cơ hội

	Thu nhập bình quân/tháng	Số giờ làm việc tạo thu nhập trung bình ngày	Thu nhập bình quân theo giờ	Số giờ trung bình làm công việc gia đình/ngày	Thu nhập trung bình từ công việc gia đình/ngày	Thu nhập trung bình từ công việc gia đình/tháng
Vợ	2.740.000đ	6,3	14.500đ	4,4	63.800đ	1.914.000đ
Chồng	3.480.000đ	6,5	17.800đ	2,3	41.000đ	1.310.000đ

đồng/tháng với người vợ và từ 0 đồng – 15 triệu đồng/tháng với người chồng). Điều đó có nghĩa là mức thu nhập có thể có được từ việc làm được trả công nếu không phải làm các công việc gia đình của mỗi người rất khác nhau tùy thuộc vào cơ hội việc làm và khả năng kiếm thu nhập. Tuy nhiên, nếu sử dụng đúng mức thu nhập hiện nay của mỗi người để tính toán thì cũng có hạn chế là không có cơ sở để tính toán chi phí cơ hội cho những người hiện chỉ làm công việc nội trợ (không làm công việc tạo ra thu nhập). Kết quả lượng hóa giá trị kinh tế công việc gia đình theo phương pháp tính chi phí cơ hội được thể hiện ở bảng 1. Theo kết quả tính toán này, tổng giá trị kinh tế của công việc gia đình được ước lượng là 3.224.000 đồng/tháng, trong đó giá trị kinh tế mà người phụ nữ đóng góp là 1.914.000 đồng/tháng.

Thứ hai, nghiên cứu vận dụng phương pháp tính tổng giá trị thay thế để ước lượng giá trị kinh tế của công việc gia đình, trong đó sử dụng mức thu nhập bình quân theo tháng của người giúp việc sống cùng gia chủ và mức thu nhập bình quân theo giờ của người giúp việc không sống cùng gia chủ ở địa bàn nghiên cứu để tính toán. Tuy nhiên, việc sử dụng thu nhập của lao động giúp việc gia đình để tính toán chưa hoàn toàn thỏa đáng bởi các loại hình công việc gia đình mà người vợ và người chồng trong mẫu nghiên cứu đang thực hiện đa dạng hơn rất nhiều so với các loại hình công việc mà người giúp việc hiện nay thường đảm nhận. Ví dụ, đó là việc dạy/hướng dẫn con học, sử dụng các dịch vụ thương mại, hành chính để giải quyết nhu cầu của gia đình. Mặt khác, nếu chỉ sử dụng tiền công của người giúp việc sống cùng để tính toán sẽ giảm giá trị kinh tế của công việc gia đình. Bởi vì ngoài tiền công, người giúp việc sống cùng còn được gia đình trả cho các chi phí ăn uống và có thể có một số vật dụng sinh hoạt hàng ngày. Trong bối cảnh này, có lẽ việc sử dụng phương pháp tính giá trị thay thế chuyên biệt sẽ phù hợp hơn. Việc vận dụng phương pháp này

Bảng 2. Lượng hóa giá trị kinh tế công việc gia đình theo phương pháp tính tổng giá trị thay thế

Tiền công dành cho người giúp việc		Thời gian làm công việc gia đình (số giờ)	Thu nhập từ công việc gia đình/tháng (đồng)
Người giúp việc sống cùng: 3.000.000 đồng/tháng	Vợ	4,4	1.320.000
	Chồng	2,3	690.000
Người giúp việc không sống cùng: 25.000 đồng/giờ	Vợ	4,4	3.300.000
	Chồng	2,3	1.725.000

cũng gặp trở ngại là thiếu thông tin để xác định mức tiền công của một số loại hình công việc gia đình như việc tham gia các hoạt động xã hội, cộng đồng (tham gia các cuộc họp cộng đồng/thăm hỏi họ hàng, bạn bè), sửa chữa các thiết bị trong gia đình hoặc mang các thiết bị gia đình đi sửa chữa. Giá trị kinh tế của công việc gia đình được tính toán theo công thức: mức thu nhập của người giúp việc theo giờ (mức thu nhập/30 ngày/10 giờ một ngày) nhân với số giờ người vợ/người chồng dành cho công việc gia đình. Kết quả lượng hóa giá trị kinh tế công việc gia đình theo phương pháp tính tổng giá trị thay thế được trình bày ở bảng 2.

3. Một số bàn luận

Tìm hiểu và vận dụng một số phương pháp tính toán giá trị kinh tế của công việc gia đình cho thấy một số vấn đề cần quan tâm. Thứ nhất, không có một phương pháp nào có thể đưa ra câu trả lời chính xác về giá trị kinh tế của công việc không được trả công trong gia đình bởi bản chất của công việc này là không thể đong đếm được tuyệt đối. Đồng thời, giá trị của công việc gia đình tùy thuộc vào phương pháp tính được sử dụng. Các dữ liệu cần thiết để quy đổi giá trị kinh tế tương đương của một số công việc gia đình như mức tiền công cho công việc liên hệ, giao tiếp để giải quyết công việc gia đình, mức tiền công cho việc đi lại (tiếp cận và mua bán hàng hóa/ sử dụng các dịch vụ hàng hóa) khó có thể thu thập được đầy đủ.

Thứ hai, các cách tiếp cận tính toán thường chỉ chú ý đến lượng hóa số lượng công việc và thời gian làm việc. Vấn đề chất lượng lao động chưa được tính toán một cách thỏa đáng. Rất nhiều trường hợp, công việc gia đình có thể hàm chứa yếu tố nghỉ ngơi, giải trí, tiêu khiển. Ví dụ, đi chợ, đi mua sắm có thể trở thành buổi đi chơi; trông trẻ có thể cũng là buổi chơi đùa, thư giãn. Đo thuần túy về mặt kinh tế là thiếu cái nhìn đầy đủ về ý nghĩa giá trị tinh thần của công việc gia đình.

Thứ ba, cho dù còn có những hạn chế nhất định ở mỗi phương pháp nhưng những tính toán ban đầu về giá trị kinh tế của công việc không được trả công bước đầu cung cấp bằng chứng làm lay chuyển mạnh mẽ quan niệm phổ biến cho rằng việc nhà là loại hình lao động chỉ tạo ra giá trị sử dụng, chứ không tạo ra lời lãi, không sinh lợi hoặc không kiếm ra tiền (Mai Huy Bích, 2004). Những đóng góp lớn lao đó đặt vấn đề cần thiết phải ghi nhận giá trị và tầm quan trọng của phụ nữ trong xã hội và các chính sách, chương trình nên quan tâm đến những đóng góp này của người phụ nữ. ■

Tài liệu tham khảo

- Beena George, Natasha Choudhary and Ashutosh Tripathy (ESAF), Phaeba Abraham (HB). 2009. *Women's Economic Contribution through their Unpaid Work: The Case of India*.
- Debbie Budlender, Ann Lisbet Brathaug. 2002. Calculating the value of unpaid labour: a discussion document. Working paper.
- Mai Huy Bích. 2004. “Người làm thuê việc nhà và những tác động của họ đến gia đình thời kỳ đổi mới kinh tế - xã hội”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, số 4/2004, tr 3.
- Miranda, V. 2011. “Cooking, Caring and Volunteering: Unpaid Work Around the World”, *OECD Social, Employment and Migration Working Papers*, No. 116, OECD Publishing. <http://dx.doi.org/10.1787/5kghrjm8s142-en>.
- Nguyễn Kim Hà. 1997. “Lượng giá công việc nội trợ gia đình của người phụ nữ nông thôn”. Trong: *Những vấn đề chính sách xã hội với phụ nữ nông thôn trong giai đoạn hiện nay*. H.: NXB Khoa học Xã hội.
- Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương. 2006. *Vai trò giới và lượng hóa giá trị lao động gia đình: Một số giải pháp hỗ trợ xây dựng gia đình thủ đô theo hướng bình đẳng, hiện đại*.
- Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới và UNWomen. 2014. Lao động không được trả công. Tài liệu khóa tập huấn “Kinh tế học đáp ứng vấn đề giới và bảo trợ xã hội”. Ngày 10-15/2/2014 tại Hà Nội.
- Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội. 2007. Đóng góp kinh tế của phụ nữ thông qua công việc nhà.